

Bản án số: 247/2021/HS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú C, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 326/2020/TLPT- HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Phước M, Lê Thị Thu V. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo Trần Phước M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo/bị kháng nghị:

1/ Họ và tên: **Trần Phước M**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đăng ký HKTT: 418/30 HB, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: A14.08, Block A, khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Trần Kh, sinh năm 1952; Mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt 08 năm tù (Bản án số 49/2011/HSST ngày 09/3/2011). Thi hành án tại Trại giam An Phước, tỉnh Bình Dương, ngày 31/8/2015 được đặc xá tha tù về địa phương.

Tạm giam từ ngày 06/11/2019 (Có mặt)

2/ Họ và tên: **Lê Thị Thu V**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1989; Tại: Tiền Giang; Nơi cư trú: đăng ký HKTT: Hòa N, Hòa T, CG, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở:

A14.08, Block A, khối CT1, chung cư 243 T, phường 14, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Lê Văn L1, sinh năm 1963; Mẹ: Nguyễn Thị Kim H (chết); Tiền án, tiền sự: không

Tạm giam từ ngày 06/11/2019 (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước M:*

1/ Luật sư Lê Xuân Lâm – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

2/ Luật sư Nguyễn Văn Phú – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3/ Luật sư Phạm Công Hùng – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4/ Luật sư Nguyễn Châu Hoan – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu V:* Luật sư Nguyễn Thanh Hiếu – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

(Trong vụ án còn có các bị cáo Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ, Trần Quốc C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 05/11/2019, tại trước số 805 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an Quận 6 bắt quả tang Trần Quốc C đang điều khiển xe gắn máy biển số 51K3 - 5780 chở vợ là Hàng Thị Kim H2 và con gái là Trần Ngọc Mai P có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy; thu giữ trong tay trái của C 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,5081g, loại Methamphetamine.

Vào lúc 15 giờ 45 phút ngày 06/11/2019, tại trước số 136/63A Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an Quận 6 kiểm tra bắt quả tang Đào Quốc Đ có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy; thu giữ trong túi quần sau bên phải của Đ 01 hộp giấy có chữ Nivea Men có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 14,8185g, loại Methamphetamine.

Mở rộng điều tra, vào lúc 20 giờ ngày 06/11/2019, tại khu vực thang máy tầng hầm Block A, Khối CT1, chung cư số 243 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an Quận 6 tiến hành bắt quả tang Trần Phước M và Trịnh Nam H1 về hành vi cất giữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần sau bên phải của H 01 bọc nylon màu đen chứa 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn trong đó 02 gói có khối lượng 199,8101g, loại Methamphetamine; gói còn lại khối lượng 9,6292g, loại Ketamine.

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 06/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Phước M tại căn hộ số A.14.08, Block A, Khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6. Khi vào căn hộ, tổ công tác phát hiện Lê Thị Thu V vừa cầm bọc nylon màu đen đi vào phòng ngủ cạnh cửa ra vào nên kiểm tra, phát hiện thu giữ trên giường 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 22,2011g, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa 60 viên nén màu xanh có khối lượng 23,3736g, loại MDMA. V khai nhận là ma túy đá và thuốc lắc vừa lấy từ bọc nylon đen ra để trên giường thì bị thu giữ. Tiếp tục khám xét căn hộ, thu giữ của V và M, gồm: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 120,8302g, loại Methamphetamine; 4 gói nylon chứa tinh thể không màu, trong đó gói 1 có khối lượng 6,7331g, loại Ketamine, gói 2 có khối lượng 57,9125g, loại Methamphetamine, 02 gói còn lại có khối lượng 723,12g loại Methamphetamine; 01 túi giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 5,9294g, loại Methamphetamine; 01 số tinh thể không màu trong 01 gói nylon, có khối lượng 56,2712g loại Methamphetamine; Riêng 01 nồi áp suất bằng kim loại bên trong chứa chất bột màu trắng trộn lẫn với chất lỏng không màu, 01 khay kim loại có chất màu xám, 02 hũ thủy tinh bên trong có chất lỏng không màu, 07 can nhựa bên trong chứa chất lỏng màu nâu, 01 vỏ chai thủy tinh bên ngoài ghi chữ Hydrochloric acid, 01 vỏ chai nhựa bên ngoài ghi chữ Cồn 90 độ, 01 bình thủy tinh bên trong có chất lỏng, 01 ống thủy tinh, chất lỏng đựng trong hũ thủy tinh được thu trong thau kim loại, chất lỏng đựng trong hũ thủy tinh được thu trong can nhựa cắt đôi nhỏ, chất lỏng đựng trong hũ nhựa nắp xanh được thu trong nồi kim loại, chất lỏng và chất rắn đựng trong hũ thủy tinh nắp đỏ được thu trong thau nhựa màu đỏ, chất lỏng và chất rắn đựng trong hũ nhựa màu trắng xanh được thu trong can nhựa cắt đôi lớn, chất lỏng và chất rắn đựng trong tô thủy tinh được thu trong can nhựa cắt đôi tròn, 01 hũ thủy tinh nắp màu tím bên trong có chất lỏng và chất rắn, 01 bình nhựa bên trong có chất rắn bên ngoài ghi chữ Aquafina, 01 chai thủy tinh nắp màu đen chứa chất lỏng bên ngoài ghi chữ Hydrochloric acid, 01 chai thủy tinh nắp màu trắng chứa chất lỏng bên ngoài ghi chữ Diethyl Ether ($C_2H_5-O-C_2H_5$) qua giám định

không tìm thấy ma túy. Tiến hành kiểm tra xe gắn máy BKS: 59K1 - 708.94 của Trần Phước M để ở tầng hầm của chung cư, thu giữ: 01 can nhựa chứa chất lỏng; 02 gói nylon chứa tinh thể rắn; 03 gói nylon chứa chất bột (qua giám định không tìm thấy ma túy).

Vật chứng là ma túy bị thu giữ đã được giám định, kết quả thể hiện tại các bản Kết luận giám định số 2057/KLGD-H ngày 14/11/2019, 2061/KLGD-H ngày 25/11/2019 và 2066/KLGD-H ngày 27/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục: 131-135).

Quá trình điều tra, Trần Quốc C khai nhận: khoảng 19 giờ ngày 05/11/2019, C liên lạc với Trần Phước M tên thường gọi là “Ngáo” để mua 1.000.000 đồng ma túy đá (khoảng 2,5g), M đồng ý hẹn giao nhận ma túy ở chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6. Sau đó, C sử dụng xe gắn máy chở theo vợ, con đến bên hông của chung cư gặp M đưa tiền và nhận 01 gói ma túy. Sau khi mua được ma túy, M điều khiển xe về đến trước số 805 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6 thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Ngoài ra, cách ngày bị bắt khoảng 02 tuần, sau khi liên lạc mua 1.000.000 đồng ma túy đá của M, C cũng chở H2 đến căn hộ của M (không nhớ địa chỉ) tại chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6 để C nhận ma túy đem về sử dụng. Cả hai lần mua ma túy của M, H2 không biết và không tham gia.

Đào Quốc Đ khai nhận: khoảng 15 giờ ngày 06/11/2019, Đ liên lạc với Trần Phước M để hỏi mua 10g ma túy đá với giá 3.600.000 đồng để sử dụng, M đồng ý và hẹn giao nhận ma túy tại hẻm 136 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6. Sau đó khoảng 40 phút, Đ đi xe ôm đến điểm hẹn gặp M đưa tiền và nhận hộp giấy có chữ Nivea Men chứa ma túy bên trong, Đ bỏ vào túi quần phía sau bên phải rồi đi bộ vào trong Hẻm 136 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6 thì bị công an kiểm tra bắt quả tang cùng vật chứng là 02 gói ma túy đá trong hộp giấy như đã nêu trên. Ngoài ra, cách ngày bị bắt khoảng 02 tuần, thông qua sự giới thiệu của Lê Thị Thu V, Đào Quốc Đ liên lạc gặp M tại hẻm 136 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6 mua 05g ma túy đá với giá 1.800.000 đồng đem về sử dụng hết.

Trịnh Nam H1 khai nhận: khoảng 15 giờ ngày 06/11/2019, khi H1 đang ở Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì có một người bạn tên Thịnh (không rõ lai lịch) liên lạc hỏi mua của H 100g ma túy đá và 10g Ketamine. Do chưa có ma túy nên H nói sẽ báo lại cho Thịnh, sau đó H liên lạc với Trần Phước M hỏi mua 100g ma túy đá, 10g Ketamine. M đồng ý báo giá 34.000.000 đồng/100g đá và 7.500.000 đồng/10g Ketamine hẹn giao nhận tại căn hộ của M số A14.08, Block A, CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6. Trao đổi mua bán ma túy với M xong, H liên lạc báo giá cho Thịnh biết là 36.000.000 đồng/100g đá, 8.000.000 đồng/10g Ketamine, Thịnh đồng ý mua. Thỏa thuận xong, H điều

khuyến xe gắn máy biển số 59P2-676.23 từ Biên Hòa đi Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H đến và điện thoại cho M xuống đón căn hộ. Tại đây, M giao cho H 01 gói ma túy đá và 01 gói Ketamine như thỏa thuận, đồng thời M đưa thêm cho H 01 gói 100g ma túy đá nữa và nói H giữ bán rồi tính sau. Tổng cộng M giao 03 gói ma túy để vào bịch nylon đen cho H1, H trả trước cho M 36.000.000 đồng, nợ lại M 32.000.000 đồng, riêng số tiền 7.500.000 đồng/10g Ketamine H đã chuyển cho M qua dịch vụ ví điện tử Momo trước đó. Sau khi nhận được ma túy, H cất giấu vào túi quần phía sau bên phải rồi được M dẫn vào thang máy xuống tầng hầm để lấy xe đi về thì cả hai bị Công an kiểm tra, bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng như đã nêu trên.

Sau khi bị bắt, Lê Thị Thu V khai nhận quen với Trần Phước M khoảng 01 năm, trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 7/2019 đến khi bị bắt, cả hai chung sống như vợ chồng tại căn hộ số A.14.08, Block A, Khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6. Quá trình chung sống, V biết M mua bán ma túy nên V đã giúp M ghi chép lại số lượng ma túy mua vào, bán ra và thu chi tiền bạc trong quyển vở học sinh bên ngoài có chữ “*Ghi chép - Sổ thu chi*”. Nguồn ma túy, V nghe M nói chuyện xưng hô qua điện thoại với người tên Hoàng, mỗi lần M mua từ 100g đến 600g ma túy đá với giá 30.000.000 đồng/100g. Sau đó, M và V phân lẻ bán kiếm lời, trung bình 100g bán hết sẽ lãi từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, mỗi khi có khách mua ma túy, M là người trực tiếp đem giao sau đó nộp tiền vào tài khoản cho V để V chuyển tiền theo số tài khoản do Hoàng yêu cầu. Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, thông qua một người phụ nữ tên Hiền (không rõ lai lịch, là bạn gái của Đào Quốc Đ) V có giới thiệu cho Đ mua 01 hộp 5 (5g) ma túy đá của Trần Phước M. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/11/2019, V đang ngủ trong căn hộ trên thì có tiếng động cửa, V đi ra phòng khách thấy có bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên bàn và dưới gầm bàn 01 bịch nylon màu đen bên trong có chứa 60 viên thuốc lắc màu xanh và 01 gói ma túy đá nên V gom lại đem để giường trong phòng ngủ cạnh cửa ra vào thì bị công an kiểm tra phát hiện thu giữ cùng vật chứng. Sau đó, Công an tiếp tục khám xét căn hộ thu giữ toàn bộ số ma túy trong tủ quần áo, hộc bàn trang điểm, đáy bồn rửa chén, dưới ghế sofa là của M mua của Hoàng chưa bán hết cùng với số hóa chất, chai, lọ, can, chất bột... như đã nêu trên. Số hóa chất và các chai, lọ, can, chất bột trên do M mua về (cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng) để pha trộn với loại đá không chất lượng (còn gọi là “đá 30”) nấu, pha chế lên nghe mùi rất khó chịu. V thấy M cho chất đá qua pha chế vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng thử nhưng chưa thấy M bán chất này cho ai. Sau đó, quá trình điều tra đến nay, V phủ nhận lời khai trước đây, cụ thể V khai không giúp M cân ma túy; M cũng không mua ma túy của Hoàng, không có ai tên Hoàng, không biết M mua ma túy của ai; quyển vở ghi chữ “*Ghi chép - Sổ thu chi*” là chữ viết của V ghi lại

hoạt động mua bán ma túy từ tờ giấy M viết sẵn đưa cho V, V không biết ý nghĩa ký hiệu là gì; V chỉ giới thiệu Đ mua ma túy của Minh, không rõ việc M và Đ mua bán với nhau như thế nào. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai ban đầu của V, Minh, Đ và vật chứng là ma túy bị thu giữ có đủ cơ sở buộc V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” cùng với M trong vai trò đồng phạm.

Đối với Trần Phước M, sau khi bị bắt M khai: M bắt đầu mua bán ma túy từ ngày 05/11/2019 cho đến khi bị bắt, M mua ma túy của một người tên Thành (không rõ lai lịch do quen trên mạng) để bán kiếm lời, 100g ma túy đá M mua với giá 32.000.000 đồng; thuốc lắc giá 160.000 đồng/viên; Ketamine giá 7.300.000 đồng/10g. Mua được ma túy, M đem về căn hộ A.14.08, Block A, khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6 cất giấu và bán lại cho Trần Quốc C, Đào Quốc Đ và Trịnh Nam H1. Sau khi M và H bị bắt, Công an dẫn giải M lên căn hộ số A.14.08, Block A, khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6 để tiến hành khám xét và thu giữ vật chứng là ma túy như đã nêu trên. M thừa nhận tất cả số ma túy thu giữ khi khám xét và số ma túy thu giữ khi bắt quả tang V là của M cất giữ để bán, còn hóa chất M dùng để thí nghiệm, sản xuất chất phụ gia pha vào ma túy để tạo mùi thơm. Đồng thời, M không thừa nhận các lần bán ma túy trước đó cho C và Đ. Sau đó, quá trình điều tra đến nay, M liên tục thay đổi lời khai, ngoan cố không thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể: M không mua bán ma túy, không bán ma túy cho Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ, Trần Quốc C; về số ma túy và số hóa chất, chai, lọ, can, chất bột, cùng các dụng cụ như thau, nồi, máy ép nylon, máy ép chân không, bình khí nén, cân điện tử, 01 điện thoại di động Iphone màu đen, quyển vở “*Ghi chép - Sổ thu chi*”, dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ trong căn hộ M không biết của ai, chỉ có thu giữ của M 01 điện thoại Iphone màu đen và số chất lỏng, tinh thể, chất bột trong xe gắn máy. Tuy nhiên, căn cứ lời khai nhận của M và lời khai Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ, Trần Quốc C về việc mua bán ma túy, vật chứng là ma túy thu giữ tại căn hộ M và V cùng tài liệu chứng cứ, thu thập được có đủ cơ sở buộc M cùng với Lê Thị Thu V chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Đ, H1, C.

Đối với lần bán ma túy cho Trần Quốc C trước đó, do chỉ có lời khai độc lập của C; M không thừa nhận, nên không có cơ sở buộc Trần Phước M phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần mua bán này.

Cáo trạng số 173/CT-VKS-P1 ngày 24/4/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Phước M, Lê Thị Thu V về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ điểm h khoản 4, Khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Phước M;

Xử phạt bị cáo **Trần Phước M** Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Phước M số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Thu V;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu V** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Thu V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ, Trần Quốc C, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2020, bị cáo Trần Phước M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS.P1 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Phước M kháng cáo, đồng ý tội danh như bản án sơ thẩm nêu nhưng cho rằng bị oan đối với số ma túy bị thu giữ khi khám xét tại căn hộ nêu trên không phải của bị cáo mà là của bị cáo V nên xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Công an Quận 6 bị cáo M bị ép cung, dùng nhục hình nên mới nhận số ma túy nêu trên là của bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Thu V thừa nhận hành vi phạm tội và không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước M – Luật sư Nguyễn Châu Hoan phát biểu ý kiến thống nhất với tội danh như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo M, tuy nhiên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đánh giá đúng vai trò của các bị cáo M, bị cáo V. Trong vụ án, bị cáo V mới là chủ mưu, bị cáo M chỉ có vai trò đồng phạm, cụ thể:

Hồ sơ vụ án thể hiện, tại một số lời khai bị cáo V khai nhận số ma túy bị thu giữ là của V (BL 109), bị cáo V có thực hiện việc mua bán ma túy, chuyển tiền cho người bán ma túy. Sổ ghi chép theo dõi việc mua bán ma túy, bị cáo V ký xác nhận “*đây là bản photo sổ ghi chép việc mua bán ma túy của tôi*”. Công văn số 593/BC-MT ngày 20/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 thể hiện các gói niêm phong từ gói 2 đến gói 5 theo biên bản niêm phong lúc 03 giờ 50 phút ngày 07/11/2019 bị cáo V thừa nhận là của bị cáo nên chỉ có V ký xác nhận, M không ký. Như vậy, toàn bộ lời khai ban đầu, bị cáo V đã thừa nhận số ma túy bị thu giữ trong căn hộ là của V; bị cáo M được V cho ở nhờ, cho mượn xe. Do đó, M không thể là chủ mưu trong vụ án. Mặc dù sau đó, bị cáo V thay đổi lời khai cho rằng số ma túy bị thu giữ là của M nhưng việc thay đổi lời khai này không có cơ sở nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng vai trò của bị cáo V và bị cáo M.

Đối với lời khai ban đầu của bị cáo M thừa nhận số ma túy nêu trên là của V, phù hợp với lời khai ban đầu của V. Sau đó, do bị bức cung, dùng nhục hình nên bị cáo đã thay đổi lời khai xác định số ma túy bị thu giữ là của bị cáo M, bằng chứng là việc bị cáo được đưa vào bệnh viện cấp cứu ngày 09/11/2019, có hồ sơ bệnh án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6 cho rằng do quá trình vây bắt bị cáo M chống đối nên lực lượng chức năng phải trấn áp nên gây ra thương tích, trong khi lời khai của Minh, V đều xác định M không chống đối. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã đánh V và cho M xem đoạn phim ghi hình V bị đánh, vì thương V nên M mới khai nhận số ma túy là của bị cáo M. Do đó, bị cáo M kêu oan cho rằng số ma túy bị thu giữ khi khám xét không phải của M mà là của V là có cơ sở.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo M, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là bị cáo M có người thân là ông Tăng Cẩm Hòa có công với cách mạng; bị cáo M có mẹ già đang bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước M – Luật sư Nguyễn Văn Phú phát biểu ý kiến đồng ý với phân tích của Luật sư Hoan về tội danh như bản án sơ thẩm quy kết đối với bị cáo M cũng như vai trò của bị cáo V trong vụ án. Hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo V thừa nhận có việc chuyển tiền qua tài khoản theo yêu

cầu của người bán ma túy nhưng chưa được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và xác định không đúng vai trò của các bị cáo M và V trong vụ án nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước M – Luật sư Lê Xuân Lâm xin vắng mặt nhưng có bài lý đoán với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bị cáo V mới là chủ mưu, còn bị cáo M là đồng phạm, đồng thời xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo đã cao tuổi và mắc bệnh nặng, trình độ hiểu biết pháp luật của bị cáo còn hạn chế, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu V – Luật sư Nguyễn Thanh Hiếu phát biểu ý kiến thống nhất với bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo V. Đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên bản án sơ thẩm do bị cáo có tuổi đời còn trẻ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong vụ án, bị cáo chỉ có vai trò giúp sức, không có bàn bạc gì về việc bán ma túy cho C, Đ, H và không hưởng lợi gì từ việc bán ma túy; sau khi bị bắt, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số ma túy đã bị thu giữ, chưa phát tán ra ngoài xã hội nên hậu quả còn hạn chế; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha bị cáo đã cao tuổi và mắc bệnh nặng; bị cáo có cậu ruột và bác ruột là liệt sĩ; ngoài ra, gia đình bị cáo đã nộp hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Bị cáo M kháng cáo kêu oan không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bị ép cung, dùng nhục hình. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo V, H1, C, Đ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ. Bị cáo V giữ vai trò giúp sức tích cực trong vụ án nên hình phạt 20 năm tù là chưa tương xứng với tính chất mức độ phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu V thành tù chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các luật sư bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Phước M cho rằng trong quá trình điều tra có sự bức cung, dùng nhục hình. Hồ sơ vụ án thể hiện, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo xác định tại Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không bị bức cung (BL 473). Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản khẳng định không có việc ép cung, dùng nhục hình đối với Trần Phước M nên không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị cáo M. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo M thay đổi lời khai không thừa nhận số ma túy bị thu giữ khi khám xét tại căn hộ là của bị cáo. Căn cứ lời khai của bị cáo M và lời khai của Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ, Trần Quốc C, Lê Thị Thu V tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, cùng với vật chứng là ma túy và tiền mua bán ma túy bị thu giữ trong vụ án, với kết luận giám định, các biên bản nhận dạng, các biên bản đối chất, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở để xác định:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến khi bị bắt, Trần Phước M và Lê Thị Thu V, chung sống như vợ chồng tại căn hộ số A.14.08, Block A, Khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Trần Phước M cùng với Lê Thị Thu V đã mua ma túy của đối tượng tên Hoàng, Thành (không rõ lai lịch) đem về phân chia, sau đó bán lại cho người khác trong đó có Trịnh Nam H1, Đào Quốc Đ và Trần Quốc C. Sau khi mua được ma túy, Đ và C mang về sử dụng, riêng H định đem về bán lại cho Thịnh (không rõ lai lịch) thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Phước M, Lê Thị Thu V tại căn hộ số A.14.08, Block A, Khối CT1, chung cư 243 T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh còn phát hiện thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 22,2011g, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa 60 viên nén màu xanh có khối lượng 23,3736g, loại MDMA; 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, có khối lượng 120,8302g, loại Methamphetamine; 4 gói nylon chứa tinh thể không màu, trong đó gói 1 có khối lượng 6,7331g, loại Ketamine, gói 2 có khối lượng 57,9125g, loại Methamphetamine, 02 gói còn lại có khối lượng 723,12g loại Methamphetamine; 01 túi giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 5,9294g, loại Methamphetamine; 01 số tinh thể không màu trong 01 gói nylon, có khối lượng 56,2712g loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định số ma túy này Trần Phước M và Lê Thị Thu V sử dụng để bán kiếm lời. Do đó, các bị cáo M, V phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy bị thu giữ, tổng khối lượng là 1.208,4011g Methamphetamine, 16,3623g Ketamine và 23,3736g MDMA.

[2.2] Với hành vi nêu trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Phước M và Lê Thị Thu V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm h, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan và đúng pháp luật.

[2.3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, làm suy giảm sức khỏe của con người, làm lây lan các tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình, cần làm rõ vai trò của bị cáo M và bị cáo V trong vụ án để có cơ sở phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[3.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu vào lúc 03 giờ 50 phút ngày 07/11/2019 (BL 112) thể hiện các đồ vật, tài liệu bị thu giữ bao gồm: “05 gói niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lê Thị Thu V, Nguyễn Minh T (ĐTV), Nguyễn Văn Đ1 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 14, Quận 6. Bên trong có:

- Gói 1:
 - + 01 gói nylon chứa tinh thể không màu;
 - + 01 gói nylon chứa 60 viên nén màu xanh.
- Gói 2: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu
- Gói 3: 04 gói nylon chứa tinh thể không màu
- Gói 4: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu
- Gói 5: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu”.

Như vậy, mặc dù tại thời điểm khám xét và niêm phong vật chứng đều có mặt của bị cáo Trần Phước M và Lê Thị Thu V (BL 106, 112-114), tuy nhiên, các gói niêm phong nêu trên lại không có chữ ký của Trần Phước M mà chỉ có Lê Thị Thu V ký xác nhận.

[3.2] Tại Công văn số 593/BC-MT ngày 20/3/2020 (BL 136), Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 6 xác định: “04 gói niêm phong (gói 2-5) theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu vào lúc 03 giờ 50 phút ngày 07/11/2019 không có chữ ký xác nhận của Trần Phước M do khi khám xét và niêm phong, Lê Thị Thu V đã khai nhận số ma túy được niêm phong vào 04 gói niêm phong

là của Lê Thị Thu V nên Lê Thị Thu V đã ký xác nhận”.

[3.3] Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Thị Thu V (BL 97) thể hiện, bị cáo V bị bắt quả tang khi đang cất giấu một bịch nylon chứa tinh thể không màu và một bịch nylon chứa 60 viên nén màu xanh, tức gói 1 theo biên bản niêm phong nêu tại mục [3.1].

[3.4] Tại bản photo sổ ghi chép việc mua bán ma túy (BL 116, 117), bị cáo V xác nhận: “*Đây là bản photo sổ thu chi việc mua bán ma túy của tôi*”. Lời khai ban đầu, bị cáo V thừa nhận: “cuốn sổ ghi là của tôi (V), chữ viết trong đó của tôi, dùng để ghi chép việc mua bán ma túy của tôi và M” và giải thích rõ các ký hiệu trong cuốn sổ (BL 165).

[3.5] Bị cáo V còn khai nhận việc ghi trọng lượng ở bên ngoài của gói nylon để tiện phân chia ma túy. Khi có người mua hàng, V báo giá cho người mua, M trực tiếp phân chia ma túy hoặc V thực hiện rồi giao cho M đi giao dịch; đồng thời sử dụng căn hộ của bị cáo V làm địa điểm thử ma túy, giao dịch, cất giấu ma túy (BL 159, 163, 165).

[3.6] Ngoài ra, về nguồn tiền mua ma túy, tại Biên bản ghi lời khai lúc 08 giờ 00 ngày 07/11/2019 (BL 163), bị cáo V khai bị cáo M trực tiếp giao dịch ma túy, sau đó lấy tiền mặt để nộp vào tài khoản ngân hàng của bị cáo V để V chuyển tiền cho người bán ma túy tên Hoàng theo số tài khoản do Hoàng chỉ định. Tại Biên bản ghi lời khai lúc 10 giờ 00 ngày 07/11/2019 (BL 159), bị cáo V khai nhận: “sáng ngày 06/11/2019, có 01 thanh niên mang vào căn hộ của tôi 01 kg ma túy đá... do không đủ khả năng để mua hết số ma túy trên nên tôi đã tách ra 02 phần: 1 khay chứa 7 lạng ma túy đá để trả lại cho Hoàng (người đưa ma túy cho chúng tôi), 01 khay 03 lạng ma túy đá để sử dụng hoặc đưa cho người khác khi có nhu cầu để chúng tôi kiếm lời”. Như vậy, bị cáo V đã thừa nhận bị cáo là người mua ma túy và thanh toán tiền cho đối tượng bán ma túy tên Hoàng. Khai nhận này phù hợp với các phân tích tại các mục [3.4] – [3.5] và lời khai của chính bị cáo về mục đích ghi chép việc mua bán ma túy là “để quản lý tiền bạc không bị thất thoát” và “biết được số lượng ma túy đã mua, giá cả, số lượng ma túy đã bán, còn lại, lời lãi bao nhiêu” (tức là quản lý việc thu chi) (BL 165).

[3.7] Mặc dù, sau đó bị cáo V thay đổi toàn bộ lời khai cho rằng toàn bộ số ma túy bị thu giữ đều của bị cáo M, bị cáo V chỉ giúp M ghi chép sổ sách theo mẫu giấy M ghi sẵn, ngoài ra không tham gia vào quá trình mua bán ma túy nhưng lời khai này không phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở xác định, 05 gói niêm phong nêu trên đều của bị cáo Lê Thị Thu V. Các gói ma túy này tương ứng với các gói 03, 04, 05, 06 và 07 tại Kết luận giám định số 2601/KLGD-H ngày 25/11/2019, có tổng khối lượng là 986,2644g Methamphetamine, 6,7331g Ketamine và 23,3736g MDMA.

[3.8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định, trong vụ án, bị cáo V giữ vai trò chủ mưu, bị cáo M có vai trò đồng phạm tích cực. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo M là người chủ mưu, bị cáo V chỉ giúp sức là chưa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Phước M mua bán ma túy nhiều lần nên thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng nhưng xác định bị cáo Lê Thị Thu V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là chưa đúng. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V khai nhận có phân chia ma túy 02 lần; sổ ghi chép thể hiện bị cáo V ghi chép việc mua bán ma túy nhiều lần (từ tháng 10/2019 đến khi bị bắt). Hơn nữa, như phân tích tại mục [3.8], bị cáo V giữ vai trò chủ mưu trong vụ án, bị cáo M là người thực hành bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên”, do đó cũng phải áp dụng tình tiết này đối với bị cáo V.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lê Thị Thu V như bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc trường hợp gia đình có công cách mạng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo V liên tục thay đổi lời khai gây khó khăn cho hoạt động chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, bị cáo có vai trò chủ mưu trong vụ án như phân tích tại mục [3.8] nhưng quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị cáo chỉ khai nhận giúp sức cho M, không thừa nhận vai trò. Do vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là chưa đúng quy định.

[5] Xét kháng cáo của Trần Phước M, như phân tích tại mục [3.8], bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định vai trò trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M là chưa đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm phần này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M và những người bào chữa cho bị cáo, khai nhận, cung cấp tài liệu gia đình của bị cáo có ông Tăng Cẩm Hòa là người có công với cách mạng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già đang bị bệnh nặng (có hồ sơ bệnh án) là những tình tiết giảm nhẹ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Do đó, cần xem xét áp dụng những tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

[6] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu V.

Như phân tích trên, bị cáo V có vai trò chủ mưu, phạm tội với khối lượng ma túy lớn là 1.208,401g Methamphetamine, 16,3623g Ketamine và 23,3736g MDMA), nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên xử bị cáo V 20 năm tù là nhẹ và chưa tương xứng với mức độ, tính chất và vai trò thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Lẽ ra, với vai trò của bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất là tử hình nhưng do giới hạn của xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ tăng mức hình phạt đối với bị cáo trong phạm vi kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy kháng cáo của bị cáo M cũng như đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận một phần nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với bị cáo V là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Phước M, Lê Thị Thu V như hướng phân tích trên.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo M không phải chịu theo quy định của pháp luật án phí lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Phước M. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt của các bị cáo Trần Phước M và Lê Thị Thu V.

Tuyên xử:

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Phước M;

Xử phạt bị cáo **Trần Phước M** tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Phước M số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Thu V;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu V** tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Thu V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền bị cáo Lê Thị Thu V đã nộp là 20.200.000 (Hai mươi triệu hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0093233 ngày 15 tháng 12 năm 2020 sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Phước M không phải chịu.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (3)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh; “Đề tống Đ cho bị cáo”; (4)
- Lưu (4). 17b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình